

Số: 9106 /BC-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2023

Căn cứ Công văn số 3943/BGDDĐT-GDDH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (SVTN) hàng năm;

Thực hiện Kế hoạch số 6812/KH-ĐHĐT ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHĐT) về việc khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2023; Nhà trường đã triển khai hoạt động khảo sát, kết quả cụ thể như sau:

I. MÔ TẢ VỀ HOẠT ĐỘNG KHẢO SÁT

1. Đơn vị thực hiện

Nhà trường giao Phòng Bảo đảm chất lượng làm đầu mối, các khoa đào tạo phối hợp và chịu trách nhiệm liên lạc với SVTN để thu thập thông tin về tình hình việc làm.

2. Hình thức thực hiện

- Gọi điện thoại trực tiếp cho SVTN;
- Khảo sát online bằng Google Form.

3. Thời gian khảo sát: Từ ngày 02/10/2024 đến ngày 18/12/2024.

4. Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp

Số lượng SVTN theo từng ngành đào tạo của Trường ĐHĐT được thể hiện qua bảng số liệu sau:

TT	Ngành	Số lượng SVTN		Tổng cộng
		Đại học	Cao đẳng	
1	Công tác xã hội	4		4
2	Giáo dục Chính trị	11		11
3	Giáo dục Mầm non	78	29	107
4	Giáo dục Thể chất	21	1	22
5	Giáo dục Tiểu học	56	5	61
6	Kế toán	100		100
7	Khoa học máy tính	25		25
8	Khoa học môi trường	9		9
9	Ngôn ngữ Anh	51		51
10	Ngôn ngữ Trung Quốc	76		76
11	Nông học	8		8
12	Nuôi trồng thủy sản	24		24

TT	Ngành	Số lượng SVTN		Tổng cộng
		Đại học	Cao đẳng	
13	Quản lý văn hóa	2		2
14	Quản trị kinh doanh	48		48
15	Sư phạm Âm nhạc	19		19
16	Sư phạm Địa lý	14		14
17	Sư phạm Hóa học	9		9
18	Sư phạm Lịch sử	9	2	11
19	Sư phạm Mỹ thuật	4		4
20	Sư phạm Ngữ văn	16	2	18
21	Sư phạm Tiếng Anh	31		31
22	Sư phạm Tin học	1		1
23	Sư phạm Toán học	21	2	23
24	Sư phạm Vật lý	4		4
25	Tài chính - Ngân hàng	36		36
26	Việt Nam học	34		34
	Tổng cộng	711	41	752

Năm 2023, Trường ĐHĐT có 752 SVTN thuộc hệ đào tạo chính quy, trong đó: 711 SVTN đại học (ĐH) chiếm tỷ lệ 94,55% và 41 SVTN cao đẳng (CĐ) các ngành đào tạo giáo viên chiếm tỷ lệ 5,45%.

5. Tiến độ tốt nghiệp

Tiến độ tốt nghiệp của SV được xác định dựa trên thời điểm trúng tuyển nhập học và thời điểm tốt nghiệp của SV. Năm 2023, SVTN đúng tiến độ thuộc khóa tuyển sinh 2019 (đối với hệ ĐH) và khóa tuyển sinh 2020 (đối với hệ CĐ). Tiến độ tốt nghiệp của SV Trường ĐHĐT năm 2023 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

TT	Trình độ	Đúng tiến độ		Không đúng tiến độ		Tổng cộng
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Đại học	594	83,54	117	16,46	711
2	Cao đẳng	18	43,90	23	56,10	41
	Tổng cộng	612	81,38	140	18,62	752

Trong số 752 SVTN năm 2023 của Trường ĐHĐT, có 612 SVTN đúng tiến độ, chiếm tỷ lệ 81,38% và 140 SVTN không đúng tiến độ, chiếm tỷ lệ 18,62%.

6. Kết quả phản hồi của sinh viên tốt nghiệp

Kết quả phản hồi của SVTN năm 2023 của Trường ĐHĐT được thể hiện qua bảng số liệu sau:

TT	Trình độ	Phản hồi		Không phản hồi		Tổng cộng
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Đại học	679	95,50	32	4,50	711
2	Cao đẳng	36	87,80	5	12,20	41
Tổng cộng		715	95,08	37	4,92	752

Trong số 752 SVTN năm 2023 của Trường ĐHĐT, có 715 SVTN phản hồi về tình hình việc làm chiếm tỷ lệ 95,08% và 37 SVTN không phản hồi chiếm tỷ lệ 4,92%. So với đợt khảo sát năm 2023, số lượng SVTN có phản hồi về tình hình việc làm giảm 2,03%.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Tỷ lệ việc làm của sinh viên tốt nghiệp

Tỷ lệ việc làm của SVTN năm 2023 của Trường ĐHĐT được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Nội dung	Số lượng
Tổng số SVTN	752
Số lượng SV phản hồi	715
Số lượng SV có việc làm	627
Số lượng SV tiếp tục học	31
Số lượng SV chưa có việc làm	57
Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	92,03%
Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV tốt nghiệp	87,50%

Trong số 752 SVTN có phản hồi về tình hình việc làm, số lượng SVTN có việc làm là 627, số lượng SVTN tiếp tục học là 31 và 57 SVTN chưa có việc làm. Như vậy, nếu tính trên tổng số SVTN có phản hồi, tỷ lệ SVTN năm 2023 của Trường ĐHĐT có việc làm là 92,03%; nếu tính trên tổng SVTN, tỷ lệ việc làm của SVTN là 87,50%.

So với kết quả khảo sát năm 2023, tỷ lệ SVTN có việc làm được khảo sát năm 2024 của Trường ĐHĐT tăng 2,82%. Bên cạnh đó, xét trên tổng số SVTN, tỷ lệ việc làm của SVTN được khảo sát năm 2024 tăng 0,87% so với năm 2023. Thống kê chi tiết về tỷ lệ việc làm của SVTN năm 2024 của Trường ĐHĐT đối với từng ngành đào tạo được thể hiện trong biểu mẫu đính kèm Báo cáo này (Mẫu số 1 - Công văn số 3943/BGDĐT, ngày 31 tháng 8 năm 2018).

2. Mức độ liên quan của việc làm với ngành được đào tạo

Mức độ liên quan của việc làm với ngành được đào tạo của SVTN năm 2023 tại Trường ĐHĐT thể hiện qua bảng số liệu sau:

Tình hình việc làm	Số lượng SV	Tỷ lệ %
Đúng ngành đào tạo	400	60,79
Liên quan đến ngành đào tạo	145	22,04
Không liên quan đến ngành đào tạo	82	12,46

Tình hình việc làm	Số lượng SV	Tỷ lệ %
Tiếp tục học tập nâng cao trình độ	31	4,71
Tổng cộng	658	100,00

Trong số những SVTN có việc làm, chiếm tỷ lệ cao nhất là việc làm đúng ngành đào tạo với 60,79%, tiếp theo là việc làm liên quan đến ngành đào tạo và không liên quan đến ngành đào tạo với tỷ lệ tương ứng 22,04% và 12,46%. Tỷ lệ SVTN tiếp tục học tập nâng cao trình độ là 4,71%.

So với đợt khảo sát năm 2023, tỷ lệ việc làm đúng ngành đào tạo tăng 4,17%; tỷ lệ việc làm liên quan đến ngành đào tạo giảm 0,90%; tỷ lệ việc làm không liên quan đến ngành đào tạo giảm 3,70%; tỷ lệ SVTN tiếp tục học tập nâng cao trình độ tăng 0,43%.

3. Khu vực làm việc của sinh viên tốt nghiệp có việc làm

Khu vực làm việc của SVTN năm 2023 tại Trường ĐHĐT được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ %
Nhà nước	289	46,09
Tư nhân	244	38,92
Có yếu tố nước ngoài	79	12,60
Tự tạo việc làm	15	2,39
Tổng cộng	627	100,00

Phần lớn SVTN năm 2023 của Trường ĐHĐT có việc làm trong lĩnh vực nhà nước và tư nhân, với tỷ lệ tương ứng là 46,09% và 38,92%; tỷ lệ SVTN có việc làm trong các cơ quan, doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài chiếm 12,60%; tỷ lệ SVTN tự tạo việc làm chiếm 2,39%.

So với kết quả khảo sát năm 2023, tỷ lệ SVTN có việc làm trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước tăng 4,70%; tỷ lệ SVTN có việc làm trong các cơ quan, doanh nghiệp tư nhân giảm 4,11%; tỷ lệ SVTN có việc làm trong các cơ quan, doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài tăng 0,62%; tỷ lệ SVTN tự tạo việc làm giảm 1,21%.

4. Thời gian có việc làm của sinh viên tốt nghiệp

Thống kê chi tiết thời gian có việc làm của SVTN được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Thời gian có việc làm	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 6 tháng	414	66,03
Từ 6 đến dưới 12 tháng	161	25,68
Sau 12 tháng	52	8,29
Tổng cộng	627	100,00

Về thời gian có việc làm, phần lớn SVTN đều có việc làm dưới 6 tháng sau khi tốt nghiệp với tỷ lệ 66,03%. Còn lại là số lượng SVTN có việc làm sau 6 tháng, trong đó việc làm của SVTN từ 6 đến 12 tháng chiếm tỷ lệ 25,68% và thấp nhất là việc làm sau 12 tháng với 8,29%.

So với kết quả khảo sát năm 2023, tỷ lệ SVTN có việc làm dưới 6 tháng giảm 4,01%; tỷ lệ SVTN có việc làm từ 6 đến 12 tháng tăng 5,64%; tỷ lệ SVTN có việc làm sau 12 tháng giảm 1,63%.

5. Thu nhập của sinh viên tốt nghiệp

Thống kê chi tiết thu nhập của SVTN được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Thu nhập của SV	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 5 triệu đồng	85	13,56
Từ 5 đến 10 triệu đồng	434	69,22
Trên 10 triệu đồng	108	17,22
Tổng cộng	627	100,00

Về thu nhập của SVTN sau khi được tuyển dụng, phần lớn SVTN có thu nhập dưới 10 triệu đồng. Trong đó, mức thu nhập dưới 5 triệu đồng chiếm tỷ lệ 13,56%; mức thu nhập từ 5 đến dưới 10 triệu đồng chiếm tỷ lệ 69,22%. Số lượng SVTN nhận được mức thu nhập trên 10 triệu chiếm tỷ lệ tương đối thấp với 17,22%.

So với kết quả khảo sát năm 2023, tỷ lệ SVTN có mức thu nhập dưới 5 triệu đồng giảm 25,00%; tỷ lệ SVTN có mức thu nhập từ 5 đến 10 triệu đồng tăng 22,81%; tỷ lệ SVTN có mức thu nhập trên 10 triệu đồng tăng 2,19%.

III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Lãnh đạo Trường ĐHĐT và lãnh đạo các khoa đào tạo rất quan tâm đến tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp và xem đây là yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong việc khẳng định chất lượng đào tạo và thương hiệu của Trường.

- Phòng Đào tạo, các khoa đào tạo đã có những giải pháp hiệu quả trong việc thu thập số điện thoại và địa chỉ email của SV vào thời điểm làm thủ tục xét tốt nghiệp. Điều này đã giúp cho việc liên hệ với SVTN trong quá trình khảo sát được thuận lợi hơn, giúp tỷ lệ SVTN có việc làm trên tổng số SVTN ngày càng được nâng cao.

2. Khó khăn

Một số SVTN đã thay đổi số điện thoại so với số điện thoại đã cung cấp trước khi tốt nghiệp nên các khoa đào tạo không thể liên lạc với SV.

Trên đây là báo cáo của Trường ĐHĐT về kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2023. *Mua*

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục Đại học (để b/c);
- Công khai trên website Trường;
- Lưu: VT, BĐCL(D).

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2023

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số lượng SVTN		Số lượng SV phản hồi		Tình trạng việc làm					Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SVTN	Khu vực làm việc			
			Tổng cộng	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
1	7140201	Giáo dục Mầm non	78	78	78	78	72	0	5	0	1	98,72	98,72	48	27	1	1
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	56	52	54	50	45	0	2	3	4	92,59	89,29	42	3	2	0
3	7140205	Giáo dục Chính trị	11	5	11	5	6	3	1	0	1	90,91	90,91	10	0	0	0
4	7140206	Giáo dục Thể chất	21	5	21	5	11	0	10	0	0	100,00	100,00	10	10	1	0
5	7140209	Sư phạm Toán học	21	10	21	10	17	1	0	2	1	95,24	95,24	17	1	0	0
6	7140210	Sư phạm Tin học	1	1	0	0	0	0	0	0	0	-	0,00	0	0	0	0
7	7140211	Sư phạm Vật lý	4	2	4	2	4	0	0	0	0	100,00	100,00	4	0	0	0
8	7140212	Sư phạm Hóa học	9	6	9	6	9	0	0	0	0	100,00	100,00	8	1	0	0
9	7140217	Sư phạm Ngữ văn	16	11	11	8	11	0	0	0	0	100,00	68,75	10	1	0	0
10	7140218	Sư phạm Lịch sử	9	1	8	1	8	0	0	0	0	100,00	88,89	8	0	0	0
11	7140219	Sư phạm Địa lý	14	4	12	4	12	0	0	0	0	100,00	85,71	12	0	0	0
12	7140221	Sư phạm Âm nhạc	19	11	16	10	13	0	0	0	3	81,25	68,42	12	1	0	0
13	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	4	3	4	3	4	0	0	0	0	100,00	100,00	4	0	0	0
14	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	31	26	31	26	23	0	0	5	3	90,32	90,32	16	7	0	0
15	7220201	Ngôn ngữ Anh	51	38	44	35	4	18	10	5	7	84,09	72,55	7	21	1	3
16	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	76	70	75	69	28	32	6	3	6	92,00	90,79	1	11	0	54
17	7229042	Quản lý văn hóa	2	0	2	0	0	1	1	0	0	100,00	100,00	1	1	0	0
18	7310630	Việt Nam học	34	23	34	23	7	13	10	0	4	88,24	88,24	13	15	0	2
19	7340101	Quản trị kinh doanh	48	30	47	30	8	27	7	2	3	93,62	91,67	9	24	3	6

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số lượng SVTN		Số lượng SV phản hồi		Tình trạng việc làm					Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SVTN	Khu vực làm việc			
			Tổng cộng	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
20	7340201	Tài chính - Ngân hàng	36	27	34	25	19	4	3	3	5	85,29	80,56	6	19	0	1
21	7340301	Kế toán	100	84	99	83	44	29	15	0	11	88,89	88,00	20	59	2	7
22	7440301	Khoa học môi trường	9	5	9	5	2	2	4	1	0	100,00	100,00	2	4	1	1
23	7480101	Khoa học máy tính	25	5	19	4	5	8	3	0	3	84,21	64,00	7	7	0	2
24	7620109	Nông học	8	2	8	2	8	0	0	0	0	100,00	100,00	1	7	0	0
25	7620301	Nuôi trồng thủy sản	24	11	24	11	13	4	4	0	3	87,50	87,50	2	14	3	2
26	7760101	Công tác xã hội	4	2	4	2	1	3	0	0	0	100,00	100,00	1	2	1	0
27	51140201	Giáo dục Mầm non	29	29	26	26	24	0	0	1	1	96,15	86,21	17	7	0	0
28	51140202	Giáo dục Tiểu học	5	4	3	2	1	0	0	2	0	100,00	60,00	1	0	0	0
29	51140206	Giáo dục Thể chất	1	0	1	0	0	0	1	0	0	100,00	100,00	0	1	0	0
30	51140209	Sư phạm Toán học	2	0	2	0	0	0	0	2	0	100,00	100,00	0	0	0	0
31	51140217	Sư phạm Ngữ văn	2	0	2	0	1	0	0	0	1	50,00	50,00	0	1	0	0
32	51140218	Sư phạm Lịch sử	2	1	2	1	0	0	0	2	0	100,00	100,00	0	0	0	0
Tổng cộng			752	546	715	526	400	145	82	31	57	92,03	87,50	289	244	15	79

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống